TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 200/2025/HNGĐ-ST Ngày 10 – 12 - 2025 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; CCCD: 096193013905; địa chỉ cư trú: ấp TH, xã TH, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phan Văn H1, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: ấp RD, xã HM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh H1 kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Phan Khánh B, sinh ngày 26/02/2014 và Phan Khánh H2, sinh ngày 28/01/2022. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Phan Văn H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Phan Văn H1 là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H1 đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh H1.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2013, chị H với anh H1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh H1 được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị H xác định quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh H1 không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H với anh H1 đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xãy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu B đã hơn 11 tuổi, cháu H2 đã hơn 03 đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng anh H1 không có ý kiến. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu B thì cháu có nguyện vọng được sống với Mẹ. Còn cháu H2 đang sống ổn định với chị H, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tỉnh thần. Đồng thời, chị H hiện có công việc tạo thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của 02 cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh H1 không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phan Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Khánh B, sinh ngày 26/02/2014 và Phan Khánh H2, sinh ngày 28/01/2022 cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn H1 không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003330 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh